

Số: 1252 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực tần số vô tuyến điện; hoạt động khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2839/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 2701/TTr-SKHCN ngày 24 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 22 thủ tục hành chính mới ban hành; 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực tần số vô tuyến điện; hoạt động khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 2796/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 2839/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ danh mục và nội dung 02 thủ tục hành chính số thứ tự 09, 10; danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; phần III - Lĩnh vực tần số vô tuyến điện, tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tần số vô tuyến điện; viễn thông và internet thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ danh mục và nội dung 03 thủ tục hành chính số thứ tự 06, 08, 12; danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ danh mục và nội dung 04 thủ tục hành chính số thứ tự 06, 07, 08, 10, mục B - Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính công bố mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; bưu chính; sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN nghệ tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Ký bởi:
Nông
Thành
Thân

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KGVX, TTTT-HN, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(A)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Đình Quang



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN; HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Ký bởi: Nông
Thành Thân
Cơ quan: Nông
Thành Thân

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (22 TTHC)

I. LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (19 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài đi theo phục vụ đoàn (1.010293)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn (1.010294)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính . - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3.	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn(1.010295)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn (1.010296)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1 (1.010250)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				công tuyên trình. trực toàn		ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6.	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất (1.010277)	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến. trình. trực toàn	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
7.	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất (1.010278)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
8.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	mặt đất (1.010279)			- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
9.	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010288)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
10.	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010272)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
11.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010280)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12.	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010304)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ . - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
13.	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010308)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
14.	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010316)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
15.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010317)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16.	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh (1.010297)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
17.	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây (1.010265)	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				công tuyên trình. trực toàn		ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
18.	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây (1.010266)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
19.	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây (1.010267)	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1.	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương) (1.115184)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
2.	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương) (1.115185)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.
3.	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương) (1.115186)	a) Trường hợp thay đổi, bổ sung, thu hẹp phạm vi, lĩnh vực được chỉ định: 10 ngày làm việc b) Trường hợp tổ chức chứng nhận có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức: 05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (09 TTHC)**I. LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (08 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
1.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (2.002781)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	
2.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (2.002782)	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (2.002776)	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai
4.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý;

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tuyển điện nghiệp dư (2.002787)		tỉnh, cấp xã	- Dịch vụ công trực tuyển toàn trình.		điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	Mẫu đơn, tờ khai
5.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002788)	<i>09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai; thay đổi thời hạn

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	giải quyết TTHC từ 22 ngày xuống còn 09 ngày làm việc
6.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002789)	<i>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai;

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tuyển trình.		ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	thay đổi thời hạn giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002780)	<i>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai; thay đổi thời hạn giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002790)	<i>09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2165/QĐ- UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ- CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Mẫu đơn, tờ khai; thay đổi thời hạn giải quyết TTHC từ 22 ngày xuống còn 09 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
1.	<i>Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh) (1.014541)</i>	Tối đa 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025; - Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - <i>Thông tư số 20/2026/TT-</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; tên TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (09 TTHC)

I. LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1.	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (1.013935)	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tần số vô tuyến điện; viễn thông và internet thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (2.002793)		

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1.	Thủ tục hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng (1.014553)	Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
2.	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (1.014544)		
3.	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu viên sau tiến sỹ (1.014542)		

III. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (04 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (2.001259)	Quyết định 758/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính công bố mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; bưu chính; sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN nghệ tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
2.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (2.001208)		
3.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định. (2.001100)		

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
4.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp. (2.001501)		

Tổng số danh mục TTHC công bố	40	TTHC
Trong đó:		
Công bố mới:	22	TTHC
Sửa đổi, bổ sung:	09	TTHC
Bị bãi bỏ	09	TTHC
Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:	31	TTHC
TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính:	31	TTHC



Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC TÀN SỔ VÔ TUYẾN ĐIỆN; HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Ký bởi: Nông
Thành Thân
Cơ quan:
Nông Thành
Thân

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. LĨNH VỰC TÀN SỔ VÔ TUYẾN ĐIỆN (05 quy trình)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 05 TTHC:

- Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn – Mã TTHC: **1.010293**
- Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn – Mã TTHC: **1.010295**
- Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010308**
- Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010316**
- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010317**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, thụ lý hồ sơ, và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	8,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	5,5 ngày làm việc

Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		16 ngày làm việc

Quy trình số: 02**2. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:**

- Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn – Mã TTHC: **1.010294**

- Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất – Mã TTHC: **1.010278**

- Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây – Mã TTHC: **1.010266**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, thụ lý hồ sơ, và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	1,5 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		05 ngày làm việc

Quy trình số: 03**3. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:**

- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn – Mã TTHC: **1.010296**

- Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010304**

- Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010297**

- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1 - Mã TTHC: **1.010250**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN nghệ thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	01 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	01 giờ làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, thụ lý hồ sơ, và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	09 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	01 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	01 giờ làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	01 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Lãnh đạo UBND tỉnh ra Quyết định - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	10 giờ làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực vực tần số vô tuyến điện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		(24 giờ làm việc) 03 ngày làm việc

Quy trình số: 04**4. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:**

- Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất – Mã TTHC: **1.010277**
- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất – Mã TTHC: **1.010279**
- Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây – Mã TTHC: **1.010265**
- Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây – Mã TTHC: **1.010267**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, thụ lý hồ sơ, và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	3,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	3,5 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		09 ngày làm việc

Quy trình số: 05

5. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:

- Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010288**

- Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010272**

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh – Mã TTHC: **1.010280**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, thụ lý hồ sơ, và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	2,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số - Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	2,5 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		07 ngày làm việc

II. I. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (03 quy trình)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương) – Mã TTHC: 1.115184

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0,25 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Khoa học và Sở hữu trí tuệ	0,25 giờ làm việc
Bước 3	Kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thực hiện thủ tục thông quan.	Công chức phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Sở KH&CN	03 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: ra Thông báo lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng khi có bằng chứng chứng minh việc khắc phục về nhãn theo quy định		40 giờ làm việc
	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu: ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng		56 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Sở KH&CN	0,5 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 giờ làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 giờ làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định công nhận hoặc từ chối công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp. - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	3,5 giờ làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Không tính thời gian

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:	Trường hợp hồ sơ hợp lệ	(08 giờ làm việc) 01 ngày làm việc
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn	(48 giờ làm việc) 06 ngày làm việc
		Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định	(64 giờ làm việc) 08 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương) – Mã TTHC: **1.115185**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn đo lường thụ lý hồ sơ	0,75 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng phụ trách giải quyết TTHC	3,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	04 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		10 ngày làm việc

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương) – Mã TTHC: 1.115186

** Đối với trường hợp thay đổi, bổ sung, thu hẹp phạm vi, lĩnh vực được chỉ định:*

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn đo lường thụ lý hồ sơ	0,75 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng phụ trách giải quyết TTHC	3,5 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	04 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		10 ngày làm việc

**** Đối với trường hợp tổ chức chứng nhận có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức:***

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn đo lường thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng phụ trách giải quyết TTHC	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	02 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		05 ngày làm việc

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (05 quy trình)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC

- Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư – Mã TTHC: **2.002781**
- Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư – Mã TTHC: **2.002787**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN nghệ thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	0,25 ngày
Bước 2	Phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,5 ngày
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số phụ trách giải quyết TTHC	9,5 ngày
Bước 4	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,25 ngày
Bước 5	Xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức	Không tính thời gian

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
		TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện.	
	Tổng thời gian giải quyết TTHC		11 ngày

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC

- Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư – Mã TTHC: **2.002782**
- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư – Mã TTHC: **2.002776**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC` tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	0,25 ngày
Bước 2	Phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số phụ trách giải quyết TTHC	5,5 ngày
Bước 4	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,25 ngày
Bước 5	Xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,25 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực vực tần số vô tuyến điện.	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC		07 ngày

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ - Mã TTHC: **2.002788**
- Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ - Mã TTHC: **2.002790**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số phụ trách giải quyết TTHC	7,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức	Không tính thời gian

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
		TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tần số vô tuyến điện.	
	Tổng thời gian giải quyết TTHC		09 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ - Mã TTHC: 2.002789

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số phụ trách giải quyết TTHC	3,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực vực tần số vô tuyến điện.	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC		05 ngày làm việc

Quy trình số: 05

5. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ - Mã TTHC: **2.002780**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức	0,25 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày làm việc)
	lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	
Bước 2	Phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Nghiên cứu, thẩm định, xử lý hồ sơ và tham mưu cho Lãnh đạo phòng kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số phụ trách giải quyết TTHC	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Bưu chính, Viễn thông và Chuyển đổi số thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét và phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực vực tần số vô tuyến điện.	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC		03 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 quy trình)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh) – Mã TTHC: **1.014541**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	0,25 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Khoa học và Sở hữu trí tuệ	0,75 ngày
Bước 3	Thụ lý, giải quyết hồ sơ: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tham mưu thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá kế hoạch tổng thể các hoạt động do tổ chức đề xuất.	Công chức phòng Quản lý Khoa học và Sở hữu trí tuệ	50 ngày
	Thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng xem xét kết quả giải quyết TTHC		
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Khoa học và Sở hữu trí tuệ	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày
Bước 6	Vào sổ, đóng dấu, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,5 ngày
Bước 7	- Xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Lãnh đạo UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực (Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh)	7,5 ngày
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ của Sở KH&CN thực hiện nhiệm vụ tại TTPVHCC tỉnh; công chức TTPVHCC các xã, phường được giao tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực hoạt động KH&CN	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		60 ngày